

ĐA DẠNG TIẾNG ANH TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC GIẢNG DẠY TIẾNG ANH*THE EFFECT OF ENGLISHES ON ENGLISH LANGUAGE TEACHING***PHAN THẾ HƯNG^(*)**

TÓM TẮT: Toàn cầu hóa không chỉ tác động đến kinh tế, chính trị, văn hóa, ngôn ngữ mà cả những lĩnh vực giáo dục, cụ thể như việc giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng tại nhiều nước trên thế giới. Ngày nay, việc sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ trung gian đã tạo nên tính đa dạng của tiếng Anh; điều này dẫn đến sự thay đổi quan điểm dạy và học tiếng Anh theo các phương pháp truyền thống. Bài viết lược qua các minh chứng về tính đa dạng của tiếng Anh và nêu ra những xu hướng giảng dạy và học tiếng Anh như một ngôn ngữ trung gian có tác động đến những nhà quản lý giáo dục và những giáo viên dạy tiếng Anh, dù là tiếng Anh bản ngữ hay không bản ngữ.

Từ khóa: đa dạng tiếng Anh, ngôn ngữ trung gian, giảng dạy tiếng Anh, bản ngữ hay không bản ngữ, khả năng giao tiếp ngôn ngữ liên văn hóa.

ABSTRACT: The concept of globalization not only makes impacts on economy, politics, culture, language, but also on education, specifically English teachign and learning. Nowadays, English as a lingua franca has created the varieties of the English language, which leads to the changes of English teaching and learning usually based on traditional approaches. This article provides an overview of the varieties of English and proposes the new trends in teaching and learning English as a lingua franca which may influence educators as well as native or non-native teachers of English.

Key words: world Englishes, lingua franca, ELT, language nativeness, intercultural communicative competence.

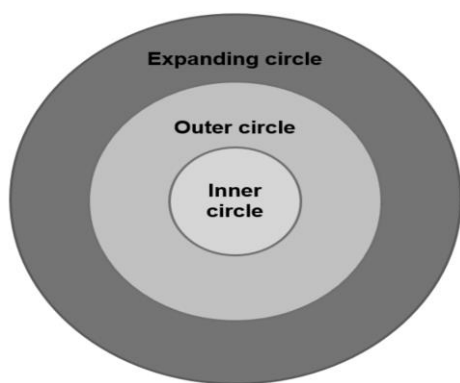
1. TIẾNG ANH NGÀY NAY**1.1. Đa dạng tiếng Anh**

Đa dạng tiếng Anh thế giới (World Englishes): Theo truyền thống, người Việt thường dùng từ tiếng Anh hay Anh ngữ để chỉ English. Với sự phát triển đa dạng tiếng Anh ngày nay, các nhà ngôn ngữ học dùng từ English để chỉ tiếng Anh theo truyền thống và Englishes (dạng số nhiều) để chỉ tính đa dạng của tiếng Anh khi ngôn ngữ này được sử dụng ngoài Liên hiệp Anh từ

thế kỷ thứ XVII. Ngoài ra, khái niệm và thuật ngữ tiếng Anh toàn cầu (Global English) thường được sử dụng để hiểu tiếng Anh là ngôn ngữ trung gian (Lingua Franca) cho những người không sử dụng tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ.

Nhìn chung, theo mô hình của Kachru, các loại tiếng Anh ngày nay được sử dụng theo ba loại hình khác nhau: nội địa (Inner), ngoại địa (Outer) và mở rộng (Expanding) [23].

^(*) TS. Trường Đại học Văn Lang, phanthehung@vanlanguni.edu.vn, Mã số: TCKH09-05-2018

**Innner:**

Ví dụ: USA, Britain, Australia,...
(380-400 million)

Outer:

Ví dụ: India, Singapore,...
(200-300 million)

Expanding:

Ví dụ: China, Russia, Vietnam,...
(100-1,000 million)

Sơ đồ 1. Mô hình các loại tiếng Anh (Kachru, 1985)

Một điều đáng chú ý là các loại tiếng Anh thế giới (WEs) không có nghĩa là tiếng Anh thông thường trong giảng dạy và học tập, vì thế trong giao tiếp tiếng Anh vẫn có nhiều vấn đề trong giao tiếp và thông hiểu nhau. Ví dụ, người Ấn Độ nói tiếng Anh có thể không hoàn toàn hiểu được tiếng Anh của người Mã-lai. Thậm chí sự khác biệt giữa tiếng Anh-Anh (British English) và tiếng Anh-Mỹ (American English) cũng là một trở ngại vì các yếu tố văn hóa giao tiếp tác động đến ngôn ngữ như âm sắc (Para-Verbal), ngôn từ (Verbal) hay ngôn ngữ hình thể (Non-Verbal).

1.2. Tiếng Anh truyền thống trong giảng dạy

Có lẽ, cách phân loại tiếng Anh thông thường nhất trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh là tiếng Anh bản ngữ (ENL = English as a Native Language), tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai (ESL = English as a Second Language), và tiếng Anh là ngoại ngữ (EFL = English as a Foreign Language). Điều cần lưu ý là cách phân loại này dựa vào mức độ nắm vững và sử dụng tiếng Anh: ENL (hoặc Inner) là tiếng Anh bản ngữ sử dụng tại các nước Anh, Mỹ, Úc, Canada, và New Zealand. Trong khi đó ESL (hoặc Outer) được sử dụng làm ngôn ngữ chính thức, tuy không phải là tiếng mẹ đẻ như tại

các nước cựu thuộc địa của Anh và Mỹ, như Ấn Độ, Mã-lai, Nigeria, hoặc Philippines. Cuối cùng, EFL (hoặc Expanding) được sử dụng tại các nước như Trung Quốc, Nhật Bản, hay Việt Nam vì tiếng Anh không được thường dùng hằng ngày trong đời sống, mà chỉ là một ngoại ngữ trong nhà trường; do vậy động cơ học và sử dụng tiếng Anh vẫn là một trở ngại trong quá trình giảng dạy và học tiếng Anh. Đây cũng là minh chứng tại Việt Nam khi Bộ Giáo dục và Đào tạo đề ra chuẩn đầu ra tiếng Anh 06 bậc hoặc áp dụng chuẩn tham khảo CEFR cho sinh viên trước khi tốt nghiệp.

Việc phân loại ENL, ESL, EFL có tác dụng tốt trong một số ngữ cảnh. Chẳng hạn, động cơ học tiếng Anh rất rõ ràng và tích cực hơn tại các nước tiếng Anh đóng vai trò quan trọng và chính thức trong giáo dục, công việc và đời sống so với các nước trong đó tiếng Anh chỉ sử dụng trong lớp học và sau đó không sử dụng trong đời sống. Tuy nhiên, việc xếp loại này cũng có các hạn chế trong nhận thức vì thuật ngữ “tiếng Anh bản ngữ” vẫn mơ hồ và dễ gây ra ngộ nhận. ENL được cho là tiếng bản ngữ, nhưng sự đa dạng của ENL là điều hiện thực tại các nước dùng ENL vì một

loại tiếng Anh chuẩn mực (Standard English) vẫn là một ẩn số trong việc sử dụng tiếng Anh thuần bản ngữ. Thực tế, tại các nước dùng ENL cho thấy tính đa dạng của tiếng Anh, nhất là những cộng đồng sử dụng ESL như ngay tại Mỹ hoặc Anh. Kachru nhận định về việc xếp loại ESL và EFL như sau: *“Về mặt ngôn ngữ học xã hội, tiếng Anh được xếp theo ba vòng,... Vòng nội địa (Inner Circle) bao gồm nền tảng văn hóa và ngôn ngữ truyền thống của tiếng Anh. Vòng ngoại địa (Outer Circle) bao gồm những loại tiếng Anh không phải bản ngữ được hình thành có tính hệ thống tại những khu vực đã từng là các thuộc địa (Anh). Vòng mở rộng (Expanding Circle) bao gồm các khu vực dùng nhiều loại tiếng Anh trong ngữ cảnh ngoại ngữ (366-7)”* [23].

1.3. Tiếng Anh bản ngữ (Native) và không bản ngữ (Non-native)

Ngày nay, khi tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ phổ thông toàn cầu, các nhà nghiên cứu bàn luận rất nhiều về tính chất bản ngữ của tiếng Anh. Nhìn chung, câu hỏi đặt ra *“ai là người nói tiếng Anh bản ngữ, ai không nói tiếng Anh bản ngữ?”*. Braine [3], Ellis [16], và Mahboob [30] cho rằng, không thể có định nghĩa chính xác về người nói tiếng Anh bản ngữ. Nhiều người cho rằng người Mỹ sinh ra tại Mỹ hoặc tại Anh sẽ là người nói tiếng Anh bản ngữ. Tuy nhiên, tiếng Anh phương ngữ, tiếng Anh sử dụng trong các cộng đồng di cư đã tạo ra sự đa dạng tiếng Anh như tiếng Mỹ trong các cộng đồng Latin, cộng đồng người gốc châu Á, hay tiếng Anh tại xứ Wales, Scotland, hoặc Cockney phải chăng là tiếng Anh bản ngữ? Medgyes [32] cũng cho rằng, sinh ra trong một cộng đồng

không có nghĩa là người đó tự nhiên nói ngôn ngữ trong cộng đồng đó, nhiều người gốc tiếng Anh bản ngữ không thể viết, kể chuyện, trình bày trong khi đó những người sử dụng tiếng Anh không phải là bản ngữ lại có thể làm tốt.

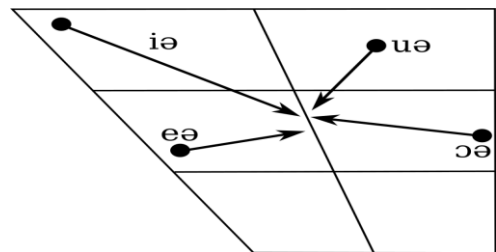
2. MINH HỌA VỀ SỰ KHÁC NHAU GIỮA MỘT SỐ TIẾNG ANH

Nhiều người giảng dạy, nghiên cứu tiếng Anh bản ngữ đều có thể biết một số khác biệt giữa tiếng Anh-Anh, Anh-Mỹ và Anh-Úc về phát âm, từ vựng, và ngay cả ngữ pháp. Sau đây chỉ nêu một số chú ý ngay trong tiếng Anh-Anh (nội địa) và Singlish (ngoại địa) để minh họa sự đa dạng của tiếng Anh toàn cầu.

2.1. Anh-Anh (British English)

Tiếng Anh-Anh có nhiều âm sắc khá khác nhau tùy theo vùng miền. Một vài âm giọng khác nhau tiêu biểu như: Cockney (London), Received Pronunciation.

Ví dụ về âm giọng Cockney như sau:



Sơ đồ 2. Nguyên âm đôi (Diphthongs) giọng Cockney [35]

- Âm tắc thanh hầu (Alveolar Stops) /t/, /d/ thường bỏ theo giọng Cockney bình dân, ví dụ: [ˈtɜ:n lef] khi nói *turn left*.

- /æ/ có thể thành [ɛ] hoặc [ɛɪ], khi đứng trước phụ âm hữu thanh (Voiced), đặc biệt đứng trước âm /d/: [bek] "back", [beɪd] "bad".

- Khi nói câu *‘Can I have a glass of water, please?’*, một người nói giọng Cockney thường không phát âm các chữ in

đậm gạch dưới; nguyên âm /i:/ được phát âm thành /əi/ với từ *please* [29].

Trong khi đó, *Received Pronunciation* (RP) được xem là giọng chuẩn tiếng (Standard English) ở Vương quốc Anh và được sử dụng cho từ điển *Concise Oxford English Dictionary*. RP được định nghĩa là giọng chuẩn tiếng Anh từ vùng phía nam Anh quốc và được công nhận tại cả nước Anh và xứ Wales.

2.2. Tiếng Anh tại Singapore (Singlish)

Tại Singapore, tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức có sự pha trộn với ngôn ngữ của các cộng đồng đông dân như tiếng Mã-lai, tiếng Hoa, hay tiếng Tamil (xuất phát từ Ấn Độ) và nhiều từ xuất phát từ tiếng Anh nhưng có nghĩa mới.

- Về âm giọng: các phụ âm tắc-xát (Dental Fricatives) như /θ/ và /ð/ – có âm giọng /t/ và /d/: **three** = **tree** và **then** = **den**; nếu ở vị trí âm cuối, **-th** được phát âm **-f** /f/, vì vậy **with** và **birth** được phát âm là *weeff* /wif/ và *baff* /bæf/; **-th** trong **without** được phát âm là /v/ thay thế âm /ð/: /wivaut/.

- Về từ vựng: *coffee* = *kopi* [44].

Kopi: cà phê sữa, *Kopi Gau*: cà phê đen đậm, *Kopi Poh*: cà phê đen loãng.

Kopi-C: cà phê đường-sữa (như châu Âu), *Kopi Peng*: cà phê đá.

2.3. Sự đa dạng biến đổi tiếng Anh bản ngữ

Tiếng Anh có nguồn gốc từ Anh quốc cách đây khoảng 1.500 năm. Theo quy luật, ngôn ngữ liên tục thay đổi theo thời gian, không gian và tiếng Anh đã chuyển hóa thành tiếng Anh-Mỹ, Anh-Úc, và cả các dạng tiếng Anh toàn cầu ở Nigeria, Ấn Độ, Philippines, Singapore trong quá trình thích nghi với ngôn ngữ và văn hóa địa phương.

Tại Bắc Mỹ, các từ “*potato chips*”, “*lift*”, “*underground*”, và “*lorry*” trong tiếng Anh-Anh trở thành “*French fries*”, “*elevator*”, “*subway*”, và “*truck*”; viết chính tả “*programme*” và “*centre*” thành “*program*” và “*center*”; cấu trúc “*Have you any valuables in it?*” trở thành “*Do you have any valuables in it?*” và ngay cả thành ngữ “*A rolling stone gathers no moss*” được hiểu theo nghĩa “*một xã hội định hướng chuyển động*”. Tiếng Anh tại một số nước không phải là tiếng bản ngữ, có thể dùng “*discuss about*” thay vì “*discuss*”; “*isn’t*” dùng cho tất cả câu hỏi đuôi (tag questions); hoặc dùng “*Come again*” thay vì “*Please repeat it*” qua điện thoại,...

Ngôn ngữ thay đổi qua thời gian theo lịch sử, ngữ cảnh và cộng đồng xã hội. Một vài minh họa trong các nghiên cứu cho thấy sự biến đổi tiếng Anh khiến nguyên tắc về ngữ pháp mô tả (Descriptive Grammar) ngày càng được quan tâm hơn các nguyên tắc ngữ pháp quy luật (Prescriptive Grammar). Qua nghiên cứu về sự biến đổi của tiếng Anh, Holyk [19] nhận thấy rằng, danh từ số nhiều trong tiếng Anh có những thay đổi đáng kể qua khảo sát ngôn từ trong các loại báo chí bình dân và học thuật như một vài ví dụ sau:

• Formulae/formulas

- Russia and Ukraine stepped back from the brink once more yesterday agreed on new formulas, but not on the precise mechanisms for future deliveries (*Financial Times* - 6.03.2008).

• Apparatus, syllabus, corpus, etc.

- Evaluation and Construction of Training Corpuses for Text Classification: A Preliminary Study (in *Natural Language Processing and Information Systems*, 2002).

- Gốc tiếng Hy Lạp – **is** như **crisis** → -es,
- However, the two sides had similar crises in the last two years (*Financial Times* - 6.03.2008).

- Taliban had similar crises (*Voice of America* – 24.05.2001).

- Không phân biệt danh từ số ít, số nhiều gốc Latin: *datum* → *data*; *medium* → *media* với nghĩa chung là *information* (thông tin).

- Anger is exhausting. It eventually subsides, memories fade and the media turn away to chase another ambulance (*New York Times* – 23.11.2013).

- Your article completely ignores the adverse effect that a hostile media has on the situation here (*Newsweek* - 2002).

- This data was collected from 69 countries (*Oxford Advanced Learner's Dictionary*).

- Một số danh từ không đếm được vẫn dùng được ở dạng số nhiều như *moneys* (*monies*), *musics*, *understandings*, *knowledges*.

Ngoài ra, trong một nghiên cứu về sự thay đổi ngữ pháp tiếng Anh, Hundt [21] đưa ra các kết quả như sau:

- Biến đổi về hình thái học (Morphological): Động từ bất quy tắc

chuyển thành quy tắc -ed trong tiếng Mỹ như: *spoilt* → *spoiled* hoặc *leapt* → *leaped*.

- Biến đổi về cú pháp (syntactic): *get* + *passive* thường được sử dụng nhiều trong tiếng Mỹ và tiếng Anh-Úc; dạng *passive* sau *get* có thể đóng vai trò tính từ hoặc thụ động như “*He got drunk/dressed.*”

- Biến đổi về từ vựng - ngữ pháp (Lexico - Grammatical): Cụm từ *different to/from/than* đều có thể chấp nhận được, mặc dù *different from* đã trở thành thói quen sử dụng và mặc định là đúng.

3. XU HƯỚNG MỚI TRONG VIỆC GIẢNG DẠY TIẾNG ANH

3.1. Tiếng Anh tại các nước ASEAN

Theo Điều khoản 34 của Hiến chương ASEAN được các nước thành viên thông qua năm 2009, tiếng Anh là ngôn ngữ được sử dụng chính thức trong các nước ASEAN. Điều này cho thấy tầm quan trọng của tiếng Anh ngay trong các nước ASEAN, châu Á và tất nhiên các nước khác trên thế giới. Bảng 1 sau đây tóm tắt vai trò và vị trí của tiếng Anh tại các nước ASEAN.

Bảng 1. Ngôn ngữ quốc gia và tiếng Anh trong hệ thống giáo dục của ASEAN

Quốc gia	Ngôn ngữ giảng dạy	Ngoại ngữ thứ nhất (Năm bắt đầu học)
Brunei*	Malay và Anh	Anh (Lớp 1, hoặc lớp 4 theo địa phương)
Cambodia**	Khmer	Anh (Lớp 5) (hoặc tiếng Pháp)
Indonesia**/**	Song ngữ	Anh (Lớp 6)
Laos	Lao	English (Lớp 3)
Malaysia	Malay and English	English (Lớp 1)
Myanmar	Burmese	English (Lớp 1)
Philippines	Filipino and English	English (Lớp 1)
Singapore	English	Malay/Mandarin/Tamil (Lớp 1)
Thailand	Thai	English (Lớp 1)
Vietnam**	Vietnamese	English (Lớp 3, tùy theo địa phương)

Ghi chú: * Tiếng Ả rập được giới thiệu từ Lớp 3; ** Giáo dục song ngữ cho một số nhóm dân tộc thiểu số những năm đầu bậc tiểu học; *** Là môn tự chọn ở bậc tiểu học, nhưng thường được xem là môn học mang tính địa phương. Nguồn: Kirkpatrick [25]

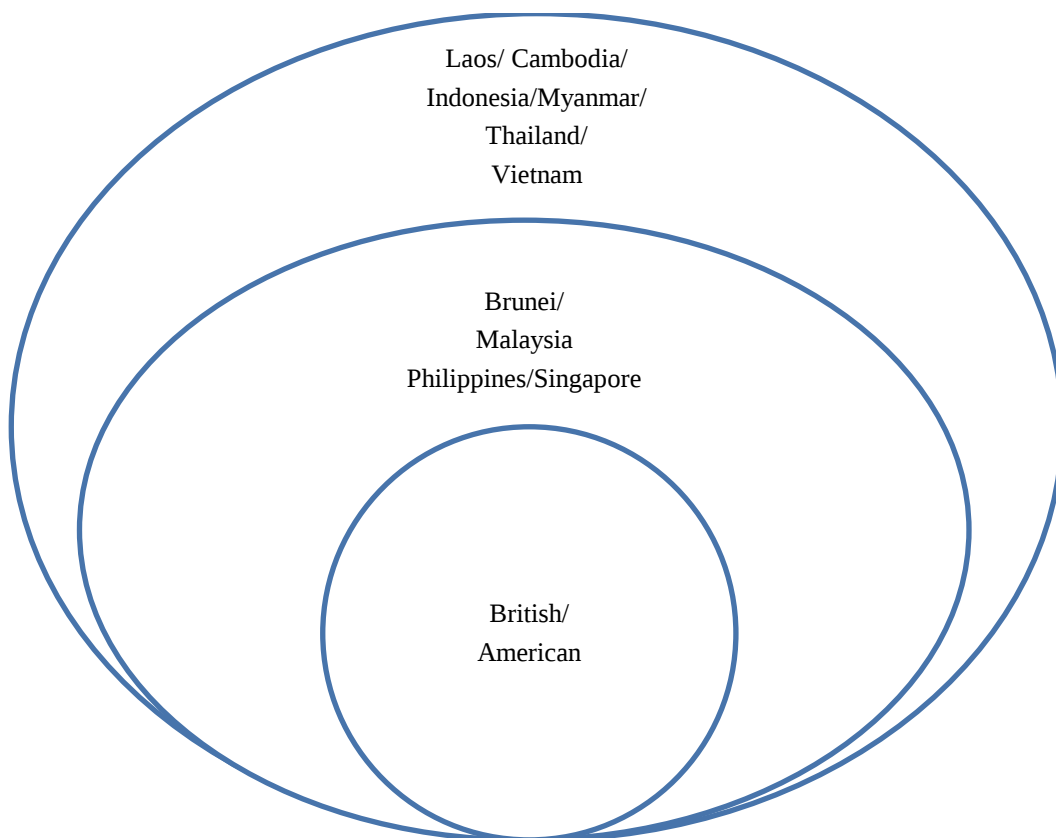
3.2. Định hướng tiếng Anh là ngôn ngữ trung gian (English as a Lingua Franca)

Ngày nay, tiếng Anh trở thành ngôn ngữ trung gian trên thế giới. Chưa có con số thống kê chính thức về số lượng người sử dụng tiếng Anh trong khu vực ASEAN, nhưng Bolton [2] ước lượng có hơn 800 triệu người sử dụng tiếng Anh tại châu Á.

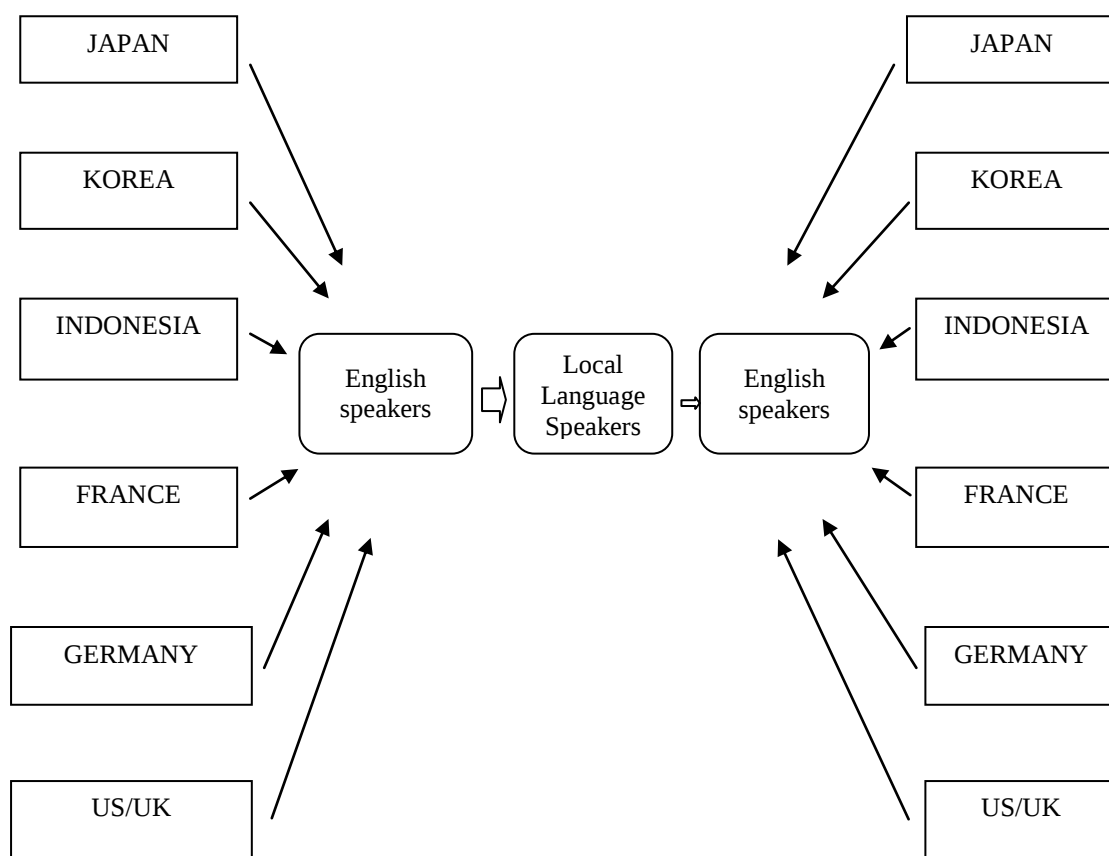
Về mục tiêu học ngoại ngữ, tiếng Anh có lẽ là ngôn ngữ trung gian “châu Á” duy nhất được nhiều người trong khu vực nói nhiều ngôn ngữ khác sử dụng, do vậy quan điểm phải sử dụng tiếng Anh như người bản ngữ có lẽ không còn là điều ưu tiên nữa. Mục tiêu của việc sử dụng tiếng Anh thành thạo trong bối cảnh đa ngôn ngữ lại

là điều đáng quan tâm [24]. Quan điểm này được nhiều học giả có uy tín thừa nhận. Ví dụ, McKay [31] cho rằng, mục tiêu giảng dạy tiếng Anh như người bản ngữ không còn là ưu tiên hàng đầu nữa. Garcia [17] cũng nhận định rằng, giáo dục song ngữ không tạo điều kiện tốt (về ngôn ngữ) cho chuẩn mực đơn ngữ, do vậy so sánh người học song ngữ, nhất là học sinh, với người học đơn ngữ là điều không công bằng.

Do vậy, cần đánh giá việc học ngôn ngữ qua việc sử dụng thành công ngôn ngữ trong ngữ cảnh giao tiếp hơn là so sánh với chuẩn mực ngôn ngữ của người bản địa. Điều này cho thấy tầm quan trọng của giao tiếp xã hội và văn hóa trong việc học ngoại ngữ.



Sơ đồ 3. English as a Lingua France (ELF) ở ASEAN (Deterding & Kirkpatrick (2006))



Sơ đồ 4. Tương tác tiếng Anh toàn cầu (Graddol, 2000)

Có thể thấy, người dạy tiếng Anh trong bối cảnh châu Á cần nắm vững khả năng liên văn hóa nhằm truyền tải và huấn luyện kỹ năng này cho người học để sử dụng tiếng Anh thích hợp và cụ thể hơn là chú trọng đến văn hóa tiếng Anh bản ngữ. Vai trò tiếng Anh được sử dụng làm ngôn ngữ trung gian ở ASEAN và châu Á có ý nghĩa rất lớn về nội dung chương trình giảng dạy tiếng Anh. Ngoài văn hóa Anh-Mỹ, nội dung giảng dạy cần chú trọng nhiều đến văn hóa châu Á, bao gồm các chủ đề người học quan tâm như văn học châu Á bằng tiếng Anh, các tập tục và thói quen trong đời sống hằng ngày, văn hóa đặc trưng bản địa, giao tiếp ngôn ngữ liên văn hóa. Nội dung chương trình cũng cần tránh các nội dung nhạy cảm đối với người học, nhất là

các chủ đề liên quan đến tín ngưỡng, chính trị, văn hóa và đời sống hằng ngày. Một điều đáng chú ý nữa là việc sử dụng đơn ngữ (chỉ tiếng Anh) hay song ngữ (tiếng Anh và ngôn ngữ bản địa của người học) cũng cần được quan tâm. Việc chỉ sử dụng tiếng Anh trong việc dạy và học tiếng Anh là phổ biến trên thế giới, tuy nhiên cũng có thể sử dụng thêm ngôn ngữ của người học nếu cần thiết để phát triển khả năng giao tiếp ngôn ngữ liên văn hóa. Một ví dụ cụ thể là việc giảng dạy tiếng Anh tại Hong Kong qua cuốn cẩm nang “*How to have a Guilt-free life Using Cantonese in the English Class*” [41]:

Có thể tóm tắt định hướng giảng dạy tiếng Anh là ngôn ngữ trung gian như sau: Mục tiêu của người học là có thể sử dụng

tiếng Anh hiệu quả trong bối cảnh đa ngôn ngữ; chương trình cần được thiết kế để người học có thể phát triển khả năng giao tiếp ngôn ngữ liên văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa; người dạy đa ngôn ngữ có thể giúp người học phát triển khả năng giao tiếp liên văn hóa; người dạy là một mô hình đa ngôn ngữ và liên văn hóa cho người học; không loại bỏ ngôn ngữ bản địa của người học trong quá trình dạy và học tiếng Anh.

Định hướng tiếng Anh là ngôn ngữ trung gian trong việc giảng dạy tiếng Anh liên quan đến người giảng dạy tiếng Anh. Câu hỏi là người dạy tiếng Anh nên là người bản ngữ hay đa ngôn ngữ trong bối cảnh đa ngôn ngữ?

3.3. Giáo viên tiếng Anh bản ngữ hay không bản ngữ

Trong giảng dạy tiếng Anh, có hai quan điểm trái chiều nhau về việc chọn giáo viên là người gốc tiếng Anh bản ngữ (Native-English Speaker Teacher - NEST) hay giáo viên là người không nói tiếng Anh bản ngữ (Non-Native ENGLISH Speaker Teacher-NNEST). Chẳng hạn, Freudenstein đề xuất chính sách giáo viên ngoại ngữ tại các nước châu Âu phải là giáo viên bản ngữ; Ngọc [37] cũng cho rằng, chỉ có giáo viên bản ngữ mới có đủ khả năng sử dụng ngôn ngữ thật sự trong đời sống để giảng dạy vì các giáo viên này nắm vững và sử dụng ngôn ngữ (tiếng Anh) lưu loát, hiểu rõ nội hàm văn hóa, và quan trọng hơn là biết đánh giá việc sử dụng ngôn ngữ có đúng hay không. Tuy nhiên, với tính đa dạng của tiếng Anh toàn cầu ngày nay, quan niệm này bắt đầu thay đổi. Một nghiên cứu của Cheng và Braine đối với sinh viên bậc đại học ở Hong Kong cho thấy, sinh viên và

phụ huynh không quan tâm đến “tính chất bản ngữ” giáo viên giảng dạy tiếng Anh, mà chú trọng đến tính chất hiệu quả của việc học và sử dụng tiếng Anh.

Cook [12] chỉ ra rằng, giáo viên tiếng Anh không bản ngữ là mô hình minh họa cho người sử dụng hiệu quả tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai. Medgyes [32] nhận định rằng, giáo viên tiếng Anh bản ngữ lý tưởng là người được đào tạo trong môi trường tiếng Anh bản ngữ bậc cao từ lúc còn nhỏ đến tuổi trưởng thành và giáo viên tiếng Anh không bản ngữ lý tưởng là người đạt được khả năng lưu loát tiếng Anh gần như người bản ngữ. Vì vậy, Medgyes đề xuất một trường học lý tưởng cần kết hợp cả hai loại giáo viên trên để bổ sung cho nhau trong giảng dạy tiếng Anh.

Một điều đáng chú ý khi Shaw [40], và Barratt và Kontra [1] nhận ra một số thách thức của giáo viên tiếng Anh bản ngữ khi dạy tiếng Anh cho người học ngôn ngữ thứ hai như sau: (1) sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa của người học, (2) nhận biết nhu cầu của người học, (3) yếu tố khó khăn trong việc học tiếng Anh, (4) không biết được bối cảnh học tập của người học, (5) khó giải thích cấu trúc ngữ pháp chuẩn xác so với giáo viên tiếng Anh không bản ngữ. Ngược lại, Canagarajah [8] và Moussu [36] cho rằng, giáo viên tiếng Anh không bản ngữ thường lo lắng về âm giọng và phát âm khi giảng dạy và giao tiếp bằng tiếng Anh, đôi khi thiếu tự tin vì hiểu biết về văn hóa Anh-Mỹ còn hạn chế trong khi đó luôn có sự gắn chặt giữa ngôn ngữ và văn hóa.

3.4. Mục tiêu giảng dạy và học ngôn ngữ

Canale and Swain [10] định nghĩa khả năng giao tiếp ngôn ngữ (Communicative

Competence) trong ngữ cảnh giảng dạy ngôn ngữ thứ hai là: *“sự tổng hợp kiến thức về các nguyên tắc ngữ pháp cơ bản, kiến thức về việc sử dụng chức năng ngôn ngữ trong giao tiếp thường đàm”*. Nói cách khác, khả năng giao tiếp ngôn ngữ là khả năng sử dụng ngôn ngữ đúng và thích hợp nhằm mục tiêu hoàn thành giao tiếp ngôn ngữ, không phải là khả năng sử dụng ngôn ngữ chính xác như người bản xứ. Khả năng giao tiếp ngôn ngữ bao gồm bốn lĩnh vực: quy tắc ngôn ngữ, quy tắc ngôn ngữ học xã hội, quy tắc thường đàm, và chiến thuật giao tiếp ngôn ngữ. Quy tắc ngôn ngữ bao gồm ngữ pháp, cú pháp và từ vựng: Sử dụng từ gì? Dùng cấu trúc câu nào?; Quy tắc ngôn ngữ học xã hội bao gồm cách sử dụng ngôn ngữ thích hợp trong xã hội: Từ nào, cụm từ nào thích hợp với bối cảnh và chủ đề? Làm sao và trong trường hợp nào để diễn đạt được thái độ của người nói (lịch sự, thân tình, tôn trọng, quyền lực,...)? Quy tắc thường đàm bao gồm phương thức diễn đạt ngôn ngữ trong ngữ cảnh rộng lớn hơn: Làm cách nào để kết hợp câu, từ thích hợp để tạo nên cuộc đàm thoại thích hợp, bài diễn văn, thư điện tử, hoặc bài báo thông thường hoặc khoa học; Chiến thuật giao tiếp ngôn ngữ bao gồm các cách thức đàm thoại và tránh được việc đổ vỡ hoặc tiêu cực trong khi giao tiếp.

Từ thập niên 1980 thế kỷ XX đến nay, quan điểm kỹ năng ngôn ngữ (Linguistic Competence) và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ (Performance Competence) của Chomsky được Hymes [22] và Canale và Swain [10] phát triển thành khả năng giao tiếp ngôn ngữ trong ELT. Điều đáng chú ý là các quan điểm này dựa trên khả năng giao tiếp

ngôn ngữ của người bản địa. Nói cách khác, quy luật sử dụng ngôn ngữ của người học tiếng Anh như là ngôn ngữ thứ hai đều phải dựa vào tiếng Anh của người bản địa như Anh hoặc Mỹ. Tuy nhiên, vào đầu thế kỷ XXI, nhiều học giả nhận thấy rằng giao tiếp ngôn ngữ trong thế giới toàn cầu hóa ngày nay cần chú ý nhiều hơn đến bản chất liên văn hóa và đa văn hóa, do vậy cả người bản ngữ và không phải bản ngữ rất cần các kỹ năng giao tiếp liên văn hóa khi sử dụng ngôn ngữ; quan điểm này tác động rất lớn đến việc giảng dạy tiếng Anh ngày nay. Byram [4], [5] đề xuất khả năng thích hợp: khả năng giao tiếp ngôn ngữ liên văn hóa (Intercultural Communicative Competence - ICC). ICC bao gồm 04 yếu tố: (1) Thái độ: khám phá và cởi mở, sẵn sàng hòa đồng văn hóa của người khác và văn hóa của chính mình; (2) Hiểu biết: các nhóm xã hội khác nhau, cách ứng xử của các nền văn hóa khác nhau trong xã hội cũng như từng cá nhân; (3) Kỹ năng diễn dịch và nối kết: có khả năng diễn dịch các tài liệu, văn bản hoặc các sự kiện từ nền văn hóa khác, giải thích và nối kết phù hợp với văn hóa của chính mình; (4) Kỹ năng khám phá và tương tác: có khả năng tiếp nhận văn hóa mới và thể hiện qua tương tác trong giao tiếp thực sự.

Canagarajah [9] đề xuất một định hướng khác liên quan đến khả năng học tiếng Anh: khả năng sử dụng phương ngữ hoặc đa dạng tiếng Anh. Như đã bàn ở trên, ngày nay tiếng Anh đa dạng chứ không chỉ là tiếng Anh bản ngữ do vậy việc đánh giá thành thạo ngôn ngữ (tiếng Anh) cũng là một vấn đề phức tạp rất cần chú ý. Canagarajah cho rằng: *“Trong một bối*

cảnh chúng ta thường xuyên giao tiếp tiếng Anh đa dạng với nhiều cộng đồng khác nhau, việc thành thạo tiếng Anh trở nên phức tạp,... Người ta cần phải có khả năng ứng xử đa dạng để thành công trong giao tiếp ngôn ngữ” [9, tr.233].

4. XU HƯỚNG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TOÀN CẦU NGÀY NAY

4.1. Thay đổi quan điểm và mục tiêu về giảng dạy và học tiếng Anh

Hơn 50 năm qua, nhất là những năm đầu thế kỷ XXI, các nhà giáo dục đã có nhiều thay đổi trong quan điểm giảng dạy tiếng Anh. Những chuyên gia về lý thuyết giảng dạy tiếng Anh đã nhận ra rằng, người học tiếng Anh ngày nay thường đã biết hai ngôn ngữ trở lên, do vậy tiếng Anh không còn là ngôn ngữ thứ hai như trước đây: chuyển đổi những thuật ngữ như ESL (English as a Second Language) thành ESOL (English for Speakers of Other Languages), từ TESL (Teaching English as a Second Language) thành TESOL (Teaching English to Speakers of Other Languages), từ WE (Western English) thành English as an International Language (EIL), từ CLT (Communicative Language Teaching, Contextualized Language Teaching) thành CLIL (Content and Language Integrated Learning). Ngày nay, ELF (English as a Lingua Franca) chỉ các loại tiếng Anh ngoài các nước Anh, Úc, Mỹ, và Canada thay cho EFL (English as a Foreign Language) hoặc ESL (English as a Second Language).

Trong thế kỷ XXI, mục tiêu ELT đã chuyển đổi từ việc chỉ phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và bắt chước âm giọng của người bản xứ sang việc củng cố trách

nhiệm và mục tiêu việc học tiếng Anh của người học, người học trở thành người sử dụng ngôn ngữ. Ngày nay, nhiều nhà giáo dục ý thức được rằng, ELT không thể thành công nếu người học không có hiểu biết về các vấn đề toàn cầu hoặc quan tâm đến các vấn đề xã hội, thậm chí sử dụng kỹ năng ngôn ngữ để tạo nên các hoạt động tiêu cực, phạm tội qua các mạng xã hội hoặc phá hoại môi trường. Vì vậy, ELT không chỉ chuẩn bị cho người học đạt được tiếng Anh như người bản xứ mà tham gia đào tạo những người sử dụng ngôn ngữ thành thạo, có đầu óc phê phán, biện luận, tích cực thay đổi xã hội [13], [14], [7].

4.2. Thay đổi phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Lĩnh vực TESOL ngày nay đã chuyển từ phương pháp truyền thống như ngữ pháp - dịch (Grammar - Translation), luyện tập nghe - nói (Audial - Lingual) sang các phương pháp và kỹ thuật mang tính giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT), chú trọng đến việc sử dụng ngôn ngữ có ý nghĩa trong các ngữ cảnh mở rộng mà Kumaravadivelu [25], [26] Brown [7], và Richards and Rodgers [39] gọi tên thời kỳ hậu - phương pháp (Post - Method Era), nói cách khác đó là phương pháp tổng hợp theo nguyên tắc (Principled Eclecticism) hơn là chỉ một phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Larsen-Freeman [28] và Mellow [34] mô tả phương pháp kết hợp như sau: Tạo nhiều cơ hội học tập; Tạo điều kiện tương tác giao tiếp; Khuyến khích tự học; Tăng cường ý thức về học tập (đừng quá chú ý đến lỗi sai của người học); Kích thích tính tự khám phá (sử dụng các chiến lược / thủ thuật học và giao tiếp); Nội dung hóa

đầu vào ngôn ngữ (đưa vào ngữ cảnh cụ thể); Liên kết các kỹ năng ngôn ngữ; Bảo đảm thực tiễn xã hội (phương tiện tự chủ trong giao tiếp); Nâng cao nhận thức về văn hóa (mục tiêu giảng dạy và học tập).

4.3. Thay đổi và phát triển khả năng giao tiếp ngôn ngữ

Nhiều nghiên cứu đã chú trọng đến việc phát triển khả năng giao tiếp ngôn ngữ, chú ý đến giao tiếp đa năng (Multi - Competence), nhất là tầm quan trọng của khả năng giao tiếp liên văn hóa khi giảng dạy ngôn ngữ thứ hai. Với khả năng này, người học có thể giao tiếp ngôn ngữ hiệu quả với nhiều đối tác từ nhiều nền văn hóa khác nhau. Nói cách khác, người dạy cần lưu ý cả văn hóa của người học và văn hóa của ngôn ngữ khác trong quá trình giảng dạy; không chỉ tập trung vào văn hóa của tiếng Anh bản ngữ mà còn văn hóa khác thuộc các dạng tiếng Anh trong thời kỳ tiếng Anh trở thành ngôn ngữ trung gian như ở châu Á hay ASEAN.

Một số nhà nghiên cứu về ELT đã đề xuất một số khái niệm về khả năng diễn đạt tiếng Anh này như Honna [20] và Wen [43]: *“Là người nói, bạn có nên bám chặt vào lối suy nghĩ của mình hay bạn nên tùy hợp với người nghe trong khi bạn giao tiếp? Là người nghe, bạn nên áp đặt lối suy nghĩ của mình lên người nói hay bạn nên cảm nhận lối suy nghĩ khác của người nói?”*.

4.4. Thay đổi quan điểm về người dạy tiếng Anh

Quan điểm về khả năng giao tiếp ngôn ngữ liên văn hóa cũng tác động đến người dạy tiếng Anh hiệu quả. Khi tiếng Anh trở thành ngôn ngữ trung gian, người dạy tiếng Anh chú trọng đến các kỹ năng ngôn ngữ

(tiếng Anh), phương pháp giảng dạy, và khả năng giao tiếp liên văn hóa hơn là chỉ dựa vào người dạy tiếng Anh bản ngữ như xu hướng xuất phát từ phương pháp trực tiếp (Direct Method). Sự chuyển hướng này đáp ứng một hiện thực là trong cộng đồng TESOL người dạy tiếng Anh không bản ngữ và nghiên cứu ELT chiếm số đông hơn người dạy tiếng Anh bản ngữ; vì vậy số giáo viên này cần đáp ứng nhu cầu học tiếng Anh của người học. Không có gì ngạc nhiên khi TESOL, một hiệp hội giảng dạy tiếng Anh trên thế giới, thành lập bộ phận NNEST-IS (Non-Native English Speaking Teachers Interest Section) gồm nhiều học giả, nhà nghiên cứu và giáo viên ELT nổi tiếng. Thật vậy, NNEST-IS có nhiều thuận lợi trong việc giảng dạy tiếng Anh ngày nay: Hướng dẫn phương thức học tập và lường trước những khó khăn với người học; Chia sẻ kinh nghiệm đa ngôn ngữ và đa văn hóa với người học; Tập trung vào nhu cầu của người học tiếng Anh; Là mô hình của người học và sử dụng tiếng Anh thành công cho người học; Cung cấp các kiến thức thiết thực về tiếng Anh cho người học.

4.5. Kết hợp công nghệ thông tin trong ELT

Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, nhất là cuộc cách mạng 4.0, các mạng thông tin, điện thoại thông minh với nhiều ứng dụng công nghệ đóng vai trò rất quan trọng trong giảng dạy và học tiếng Anh. Internet, Web 2.0, sách báo điện tử, và nhiều websites cũng như mạng xã hội đã thay đổi việc soạn bài, chuẩn bị bài giảng, và hướng dẫn người học tiếng Anh hiệu quả [38]. Các vấn đề thực tiễn và gần với cuộc sống hằng ngày thường xuyên làm thay đổi nội dung giảng

dạy cũng như trao đổi, luận đàm giữa người dạy và người học tiếng Anh không chỉ trong lớp học mà còn ngoài lớp học và bất cứ thời gian nào người học tiếp cận được với việc học tiếng Anh qua hệ thống học trực tuyến như nhiều trường học trên thế giới cũng như tại Việt Nam đang ứng dụng. Trong một hội thảo vào tháng 1/2018 tại Thành phố Hồ Chí Minh do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, nhiều trường đại học tại Việt Nam đã và đang ứng dụng công nghệ thông tin vào việc giảng dạy và đánh giá việc học tiếng Anh của sinh viên nhằm tăng thời lượng dạy và học tiếng Anh cho người học.

5. KẾT LUẬN

Tiếng Anh không còn là một ngoại ngữ hay một ngôn ngữ thứ hai như quan điểm truyền thống. Ngày nay, tính chất toàn cầu hóa không chỉ tác động đến kinh tế, mà còn tác động đến nhiều lĩnh vực khác như ngôn ngữ và văn hóa qua các minh chứng về tính đa dạng của tiếng Anh theo lịch sử, địa chính trị, và văn hóa vùng miền. Trên cơ sở này, việc giảng dạy tiếng Anh cần chú ý đến yếu tố liên văn hóa trong khả năng giao tiếp ngôn ngữ, từ đó, các nhà giáo dục, các nhà nghiên cứu và thiết kế chương trình giảng dạy tiếng cần thay đổi và định hướng cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng tiếng Anh đa dạng, đáp ứng được nhu cầu thực sự của người học tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Barratt, L. & Kontra, E. (2000), *Native English-speaking teachers in cultures other than their own*, TESOL Journal, 9(3).
- [2] Bolton, K. (2008), *English in Asia, Asian Englishes and the issue of proficiency*, English Today, 24 (2).
- [3] Braine, G. (1999), *Non-native educators in English language teaching*, Mahwah, NJ: Lawrence Erlbaum Associates.
- [4] Byram, M., (1997), *Teaching and Assessing Intercultural Communicative Competence*, Clevedon: Multilingual Matters.
- [5] Byram, M. (2000), *Assessing intercultural competence in language teaching*, Sprogforum 2000, 18(6).
- [6] Brown, H. D. (1990, March), *On track to century 21. Plenary talk at the 24th Annual Convention of TESOL (Teachers of English to Speakers of Other Languages)*, San Francisco, USA.
- [7] Brown, H.D (2001), *Teaching by principles* (2nd ed.), White Plains, NY: Pearson.
- [8] Canagarajah, A. S. (1999), *Interrogating the "native speaker fallacy": non-linguistic roots, non-pedagogical results*. In G. Braine (Ed.), *Non-native educators in English language teaching*, Mahwah, NJ: Erlbaum.
- [9] Canagarajah, A.S. (2006), *Changing communicative needs, revised assessment objectives: Testing English as an International Language*, Language Assessment Quarterly 2006, 3(3).
- [10] Canale, M. & M.Swain, *Theoretical bases of communicative approaches to Second language teaching and testing*, *Applied Linguistics* 1/1:1 - 47.1980.6.
- [11] Cook, G. (2003), *Applied Linguistics*, Oxford, UK: Oxford University Press.
- [12] Cook, V. (2005), *Basing teaching on the L2 user*. In E. Llurda (Ed.), *Non-native language teachers: Perceptions, challenges and contributions to the profession*, New York: Springer.

- [13] Crystal, D (1997), *English as a Global Language*, Cambridge: Cambridge University.
- [14] Crystal, D (2001), *Language and the Internet*, Cambridge: Cambridge University Press.
- [15] Deterding, D. & Andy Kirkpatrick (2006), *Emerging Southeast Asian Englishes and Intelligibility*, <https://doi.org/>.
- [16] Ellis, L. (2002), *Teaching from experience: a new perspective on the non-native teacher in adult ESL*, Australian Review of Applied Linguistics, 25(1).
- [17] Garcia, O. (2009), *Bilingual education in the 21st century: A global perspective*, Malden, MA: Wiley-Blackwell.
- [18] Graddol, D. (2000), *The Future of English*, UK, The English Company (UK) Ltd.
- [19] Holyk, S. (2005), *Language Variation and Grammatical Change*, Ukraine: Uzhhorod National University, <https://www.pulib.sk>.
- [20] Honna, N. (2005), *English as a multilingual language in Asia and intercultural studies*, Intercultural Communication Studies 14(2).
- [21] Hundt, M. (2001), *Grammatical variation in national varieties of English - The corpusbased approach*, Revue belge de philologie et d'histoire, tome 79, fasc. 3, 2001.
- [22] Hymes, D. (1972), *On Communicative Competence in J.B. Pride and Holmes*, (eds.): Sociolinguistics, Harmondsworth, Middlesex: Penguin Education.
- [23] Kachru, B. B. Standards (1985), codification, and sociolinguistic realism: The English language in the outer circle, In: Quirk, R. and H. Widdowson, (eds.) *English in the World: Teaching and Learning the language and the literature*, Cambridge: Cambridge University Press.
- [24] Kirkpatrick, A. (2007), *Setting Attainable and Appropriate English Language Targets in Multilingual Settings: A Case for Hong Kong*, International Journal of Applied Linguistics 17(3).
- [25] Kirkpatrick, A. (2016), *English as an Asian Lingua Franca: the 'Lingua Franca Approach' and implications for language education policy*, Griffith University, Australia.
- [26] Kumaravadivelu, B. (2001), *Towards a postmethod pedagogy*, TESOL Quarterly, 35(4).
- [27] Kumaravadivelu, B. (2006), *Understanding language teaching: From method to postmethod*, New York, NY: Routledge.
- [28] Larsen-Freeman, D. (2000), *Techniques and principles in language teaching* (2nd ed.), Oxford, England: Oxford University Press.
- [29] Lawson, J. (2018), *London Accents*, Retrieved Feb 5, 2018, www.dailystep.com.
- [30] Mahboob, A. (2004), *Native or nonnative: What do students enrolled in an intensive English program think?* In L. KammhiStein (Ed.), *Learning and teaching from experience: Perspective on nonnative English speaking professionals*, MI: University of Michigan Press.
- [31] McKay, S. L. (2009), *Pragmatics and EIL pedagogy*, In Farzad Sharifian (ed.) *English as an international language*, Bristol: Multilingual Matters.
- [32] Medgyes, P. (1992), *Native or nonnative: who's worth more?* ELT Journal, 46(4).
- [33] Medgyes, P. (1999b). *The non-native teacher* (2nd Ed.). Germany: Hueber.
- [34] Mellow, J. D. (2002), *Towards principled eclecticism in language teaching: The twodimensional model and the centring principle*, TESL-EJ, 5(4), <http://tesl-ej.org>.
- [35] Mott, B., (2012), *Traditional Cockney and popular London speech*, Dialectologia, RACO, 9.

- [36] Moussu, L. (2006), *Native and nonnative English speaking English as a second language teachers: Student attitudes, teacher self-perceptions, and intensive English program administrator beliefs and practices* (Doctoral dissertation).
- [37] Ngoc, L. V. C. (2009), *Teaching efficacy of native and non-native teachers of English in Vietnam: A triangulation of student and teacher perceptions* (Master's thesis), Southern Illinois University, Carbondale, IL.
- [38] Phan Thế Hưng (2017), *Giảng dạy tiếng Anh theo xu hướng hiện đại*, Tạp chí Khoa học đại học Văn Lang, 2, 3-2017.
- [39] Richards, J. C., & Rodgers, T. S. (2001), *Approaches and methods in language teaching* (2nd ed.), New York, New York: Cambridge University Press. <http://dx.doi.org>.
- [40] Shaw, P. A. (1979), *Handling a language component in a teachertraining course*, Modern English Teacher, 3.
- [41] Swain, M., Andy Kirkpatrick & Jim Cummins (2011), *How to have a guilt-free life using Cantonese in the English class*, Hong Kong: Research Centre for Language Education and Acquisition in Multilingual Societies, Hong Kong Institute of Education.
- [42] Tang, C. (1997), *The identity of the nonnative ESL teacher: On the power and status of nonnative ESL teachers*, TESOL Quarterly, 31(3).
- [43] Wen, Q. (2013), *What kind of English do Chinese students need to learn in the future? Presentation at TESOL International Symposium: Envisioning and Creating the Future for English Language Teaching and Learning*, Guangzhou, China.
- [44] Zienchuk, J. (June 2013), *An Introduction to Singaporean Kopi Culture*, Epicure & Culture, Retrieved 25/1/2016.

Ngày nhận bài: 28-02-2018. Ngày biên tập xong: 02-4-2018. Duyệt đăng: 19-5-2018.